

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị C, sinh năm 1982 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1978.

Cư trú tại: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019 ông Phạm Hồng T có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị C trình bày: Bà và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống với nhau

vào năm 2001, đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T không lo cho vợ con, có quan hệ bất chính với người khác, mặc dù được cha mẹ hai bên hòa giải hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2018 đến nay nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Hồng T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên Phạm Nhựt K, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2002 và Phạm Nhựt Q, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2010, con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2019 bị đơn ông Phạm Hồng T trình bày: Ông và bà Dương Thị C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng lý kết hôn vào năm 2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến hạnh phúc gia đình không còn. Do đó, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Về con chung ông đồng ý giao hai người con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị C về việc yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hồng T; giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Hồng T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Hồng T là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phạm Hồng T.

[3] Về quan hệ hôn nhân : Bà Dương Thị C và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà C và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà C giữ yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng không còn thương yêu ông T. Tại bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2019 ông T đồng ý ly hôn với bà C. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa bà Dương Thị C với ông Phạm Hồng T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà C và ông T có hai người con chung tên Phạm Nhật K, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2002 và Phạm Nhật Q, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2010. Đối với Phạm Nhật K đến ngày xét xử sơ thẩm đã đủ 18 tuổi và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét. Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Nhật Q. Tại bản tự khai ngày 10 tháng 12 năm 2019 ông T đồng ý giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà C và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung tên Phạm Nhật Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà C và ông T, giao người con chung tên Phạm Nhật Q, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2010 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà C, ông T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà C phải chịu 300.000 đồng, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dương Thị C và ông Phạm Hồng T.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Phạm Nhật Q, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2010 cho bà Dương Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Bà Dương Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019657 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Dương Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều